

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;
Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4082/TTr-STC ngày 11 tháng 11 năm 2021 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 2456/BC-STP ngày 04 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định về quyết toán dự án

hoàn thành sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm 03 chương, 09 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- TT Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- VPUB: LĐ, KTTH, TTPVHCC;
- Lưu: VT, NDT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam

Trần Quốc Nam



QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 81 /2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (dưới đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực và các đơn vị liên quan trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước tại địa phương về công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý hành vi vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo hoạt động hiệu quả của các cơ quan, đơn vị phối hợp.

2. Nội dung phối hợp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, các cấp chính quyền địa phương.

3. Công tác phối hợp quản lý phải đảm bảo tính thống nhất, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật nhằm giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn.

4. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.
5. Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp.
6. Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả phối hợp.

7. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị phải phục vụ lợi ích chung, tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của các bên tham gia theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, tạo điều kiện để các bên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

8. Trong quá trình phối hợp quản lý phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tránh chồng chéo, trùng lặp. Đối với nhiệm vụ liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành do Sở Tài chính chủ trì. Các nhiệm vụ liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư; công tác thanh kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ do Sở Xây dựng chủ trì.

Điều 3. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

1. Phát hành văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến. Các cơ quan được đề nghị tham gia ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì.

2. Tổ chức họp, trong trường hợp cần thiết thì lập biên bản để làm cơ sở xác định trách nhiệm các bên phải tiến hành theo thẩm quyền; Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm cử người đi họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp được xem là ý kiến chính thức của đơn vị. Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với các vướng mắc thuộc thẩm quyền ban hành văn bản của Trung ương đã được các Bộ chuyên ngành có văn bản giải đáp cho các trường hợp tương tự thì thống nhất áp dụng các văn bản đó để xử lý. Đối với các vướng mắc thuộc thẩm quyền ban hành văn bản của Trung ương chưa được các Bộ chuyên ngành có văn bản giải đáp cho các trường hợp tương tự, Sở Xây dựng có văn bản đề nghị Bộ chuyên ngành hướng dẫn giải quyết theo chức năng.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước theo chức năng quản lý Nhà nước.

2. Phối hợp giải quyết vướng mắc trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

3. Phối hợp xử lý các vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý khi có vi phạm trong công tác quyết toán

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý chi phí đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án cho đến khi kết thúc dự án bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng; có trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành, quyết toán chi phí quản lý dự án và tất toán tài khoản các dự án đã kết thúc tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo đúng thời hạn quy định của Bộ Tài chính (bao gồm các dự án đầu tư, dự án hoặc chi phí chuẩn bị đầu tư, dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn nhà nước sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án).

b) Các cơ quan đơn vị (ngoài chức năng làm chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư đối với những nội dung thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán và tất toán tài khoản theo quy định.

2. Nguyên tắc xử lý khi có vi phạm

a) Khi phát hiện vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đang thi hành công vụ và cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành được phép lập biên bản, trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm.

b) Đối với những vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì cơ quan nào phát hiện trước, cơ quan đó tiến hành xử lý vi phạm theo đúng các nguyên tắc quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 về một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và tại khoản 3, Điều 17 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Cơ quan, đơn vị phối hợp cử công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng để giúp cơ quan chủ trì giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi và đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp.

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định (sau khi nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán của chủ đầu tư). Thời gian thẩm tra tối đa 04 tháng đối với dự án nhóm B, 03 tháng đối với dự án nhóm C (bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) có sử dụng nguồn vốn nhà nước thuộc ngân sách tỉnh theo quy định.

c) Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án đã được phê duyệt quyết toán.

đ) Trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, phải thực hiện lập biên bản gửi Sở Xây dựng xem xét, xử lý theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các chủ đầu tư trong phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật. Thực hiện thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý xây dựng chuyên ngành, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý xây dựng, chất lượng công trình (hạng mục công trình) trong trường hợp chưa có sự thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị thẩm tra quyết toán dự án.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả xử lý vi phạm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ và Sở Tài chính để theo dõi. Trường hợp nhà thầu vi phạm nhiều lần đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép công bố rộng rãi danh sách nhà thầu vi phạm để chủ đầu tư cập nhật, xem xét việc cho phép nhà thầu tham gia đấu thầu dự án mới theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm. Tham mưu bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã phê duyệt quyết toán.

b) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải quyết theo thẩm quyền để khắc phục tình trạng chậm trễ trong công tác đấu thầu.

c) Tổ chức giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong công tác đấu thầu.

4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp, theo dõi, tham mưu xử lý đối với các chủ đầu tư vi phạm về thời gian nộp hồ sơ quyết toán để đưa vào đánh giá thi đua, xét khen thưởng hàng năm của đơn vị.

5. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

a) Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cho vay và thanh toán đối với dự án đảm bảo đúng quy định của Nhà nước theo Mẫu số 03/QTDA và Mẫu số 15/QTDA kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và đề nghị của Chủ đầu tư.

b) Đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư lập thủ tục thanh toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán, thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo chế độ quy định và tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

Trường hợp chủ đầu tư có văn bản đề nghị phối hợp thu hồi, nộp trả ngân sách các khoản công nợ phải thu tồn đọng kéo dài, Kho bạc nhà nước tỉnh và Kho bạc nhà nước huyện theo dõi, khi phát sinh khoản thanh toán từ tài khoản các chủ đầu tư khác cho nhà thầu thì tạm thời chưa thanh toán và thông báo đến chủ đầu tư biết để phối hợp thu hồi công nợ cho ngân sách.

c) Được quyền tạm dừng thanh toán các khoản chi từ ngân sách nhà nước đối với chủ đầu tư không kịp thời xử lý công nợ và số dư tạm ứng theo quyết toán được duyệt.

6. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng tháng, quý, năm về tiến độ thực hiện dự án của các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý; chấp hành quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo đúng thời gian quy định.

c) Bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã phê duyệt quyết toán thuộc nguồn vốn ngân sách phân cấp cho huyện, thành phố.

d) Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu thực hiện một số nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định (sau khi nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán của chủ đầu tư). Thời gian thẩm tra tối đa 04 tháng đối với dự án nhóm B, 03 tháng đối với dự án nhóm C (bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) có sử dụng nguồn vốn nhà nước thuộc ngân sách cấp huyện, xã theo quy định và do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

- Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án đã được phê duyệt quyết toán.

- Tham mưu bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã phê duyệt quyết toán.

- Trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu có sai sót, vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, phải thực hiện lập biên bản, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

đ) Chỉ đạo phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện về xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP. Thực hiện thẩm quyền xử phạt được quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu vi phạm nhiều lần, Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố rộng rãi danh sách nhà thầu vi phạm để chủ đầu tư cập nhật, xem xét việc cho phép nhà thầu tham gia đấu thầu dự án mới theo quy định.

e) Chỉ đạo Phòng nội vụ phối hợp theo dõi, tham mưu xử lý đối với các chủ đầu tư vi phạm về thời gian nộp hồ sơ quyết toán để đưa vào đánh giá thi đua, xét khen thưởng hàng năm của đơn vị.

7. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

a) Tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng, chậm nhất là 04 tháng đối với dự án nhóm C (bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật), 06 tháng đối với dự án nhóm B, chủ đầu tư phải nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với đầy đủ nội dung theo quy định hiện hành đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

b) Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, cơ quan kiểm toán; chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán, tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán.

c) Sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thanh toán các khoản công nợ của dự án; khi đã được bố trí vốn, phối hợp với Kho bạc Nhà nước hoàn thành giải quyết công nợ, làm thủ tục tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Trường hợp phát sinh các khoản công nợ phải thu tồn đọng kéo dài, mặc dù đã đôn đốc nhiều lần (từ 3 lần trở lên) nhưng nhà thầu chưa nộp trả, chủ đầu tư có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc nhà nước huyện đề nghị phối hợp thu hồi, nộp trả ngân sách.

8. Trách nhiệm của các nhà thầu

a) Kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng, chậm nhất 02 tháng đối với các dự án nhóm C (bao gồm dự án lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật), 04 tháng đối với các dự án nhóm B, các nhà thầu phải lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết và hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả vượt so với số đã được phê duyệt quyết toán (nếu có).

c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước

1. Đối với xử lý vi phạm hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu

Sở Xây dựng (Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư căn cứ các điều khoản của hợp đồng về xử lý vi phạm hợp đồng để thực hiện.

2. Đối với xử lý vi phạm về thời gian lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành:

Sở Xây dựng (Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong quá trình thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở chủ đầu tư, các nhà thầu thực hiện lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định hiện hành, nếu phát hiện vi phạm phải lập biên bản và xử phạt theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị khác

Các sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ một số nội dung vượt thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Những quy định khác không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, giao Sở Tài chính tổng hợp, trao đổi thống nhất với các cơ quan chức năng có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.